

ĐẶC ĐIỂM SINH SẢN VÀ SỨC SẢN XUẤT SỮA CỦA ĐÀN BÒ HOLSTEIN FRIESIAN NUÔI TẠI CÔNG TY GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU – SƠN LA

Reproductive performance and milk yield of Holstein Friesian cows in Moc Chau dairy breeding company

Mai Thị Thom¹

SUMMARY

A survey was conducted to evaluate reproductive performance and milk yield of Holstein Friesian cows in Moc Chau dairy breeding company. It was shown that during the period of 2000-2004 dairy production of the Company quickly developed in terms of both cattle population and cattle quality. Reproductive performance was improved as reflected by shortened open days and calving intervals, and a low number of services per conception (1.56). Milk yield was also fairly high (5142kg/305 day lactation). Infectious diseases were totally under control and the incidence of blood parasites was only 1.74%. However, the incidences of internal medicine and obstetric diseases were still high.

Keywords: Dairy cattle, Holstein Friesian, reproductive performance, milk yield

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mộc Châu là nơi có nghề chăn nuôi bò sữa sớm hơn các vùng khác trong nước. Từ những năm 70 cho đến nay tuy đã trải qua nhiều thăng trầm, song nuôi bò thuần Holstein Friesian đã khẳng định là phù hợp và là thế mạnh của vùng cho ngành này. Công ty Giống bò sữa Mộc Châu đã tổ chức lại sản xuất nhằm tăng hiệu quả của ngành chăn nuôi bò sữa. Những năm gần đây đàn bò HF thuần của Công ty đã không ngừng tăng cả về số lượng và khả năng sản xuất, đặc biệt là cung cấp con giống cho các vùng phụ cận và các tỉnh khác góp phần đẩy mạnh chăn nuôi bò sữa của nước ta.

Mục đích của nghiên cứu này nhằm đánh giá sức sản xuất của đàn bò HF thuần ở Công ty giống bò sữa Mộc Châu - Sơn La làm cơ sở cho việc phát triển chăn nuôi bò sữa ở Miền Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU¹

Nghiên cứu được tiến hành trên đàn bò Holstein Friesian thuần nuôi tại Công ty giống bò sữa Mộc Châu – Sơn La từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2004.

Số liệu nghiên cứu được thu thập từ sổ ghi chép theo dõi bò của Công ty, cán bộ kỹ thuật, dẫn tinh viên và phỏng vấn trực tiếp 175 hộ chăn nuôi. Mặt khác đàn bò được theo dõi trực tiếp trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2004 trên cơ sở lập phiếu ghi chép năng suất sữa hàng ngày cho từng bò sữa.

Số liệu được phân tích thống kê bằng chương trình Minitab 11 (1996)

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình phát triển đàn bò Holstein Friesian

Công ty giống bò sữa Mộc Châu gồm 19 trại chăn nuôi bò HF với 536 hộ chăn nuôi, hộ ít nhất nuôi 2 con và hộ nhiều nhất nuôi tới 46 con. Mỗi hộ được Công Ty giao quyền sử dụng đất lâu dài

¹ Khoa Chăn nuôi – Thú Y

để trồng cây thức ăn và trồng cỏ với diện tích 2500m²/ 1bò. Kết quả về tính hình chăn nuôi bò sữa của Công ty được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Tình hình phát triển đàn bò sữa HF thuần qua các năm

Năm \ Loại bò	Đơn vị tính	1985	1990	1995	2000	2001	2003	2004
Tổng đàn	Con	2372	1369	1385	1453	1718	2206	2752
Bò cái sinh sản	“		932	945	968	1231	1540	1953
Bê 13 – 18 (tháng)	“		311	299	290	257	393	511
Bê SS -12 tháng	“		126	141	195	230	273	288

SS: Sơ sinh

Kết quả bảng trên cho thấy, số lượng bò sữa năm 1990 giảm so với năm 1985 là 57,67%. Như vậy, trong 5 năm đàn bò giảm đáng kể, cứ mỗi năm giảm 11,54%. Đây là thời kỳ nước ta đang chuyển dần sang nền kinh tế thị trường, các cơ sở chăn nuôi của Nhà nước, đặc biệt là chăn nuôi bò sữa gặp rất nhiều khó khăn. Thực tế đó đòi hỏi ngành chăn nuôi bò sữa phải chuyển đổi theo hướng tự chủ sản xuất và kinh doanh. Trải qua 5 năm từ năm 1990 đến năm 1995 đàn bò giữ mức ổn định. Giai đoạn tiếp theo 1995 – 2000 đàn bò có xu hướng tăng song không đáng kể, mỗi năm tăng trung bình 0,98%. Đặc biệt từ năm 2000 đến năm 2004 đàn bò tăng rất nhanh, trong 4 năm tăng 89,40% (trung bình hàng năm tăng 22,35%). Như vậy, chính sách phát triển chăn nuôi bò sữa của Việt Nam thời kỳ 2001 – 2010 đã tạo ra bước đột phá đối với ngành chăn nuôi bò sữa. Công ty đã cấp vốn và quyền sử dụng đất lâu dài cho các hộ chăn nuôi. Các hộ chăn nuôi đã mạnh dạn đầu tư mua bò, trồng cỏ và tăng cường các biện pháp kỹ thuật chăm sóc quản lý, vì vậy đàn bò tăng rất nhanh.

Đàn bò cái sinh sản cũng tăng dần qua các năm, đặc biệt từ năm 2000 đến 2004 tăng 201%.

3.2. Đặc điểm sinh sản của đàn bò HF

Thời gian phối có chứa sau khi đẻ

Kết quả điều tra cho thấy, chỉ tiêu này ở cả 3 đội chăn nuôi không có sự sai khác thống kê ($P>0,05$), song có sự dao động lớn ($Cv = 47,59-57,46\%$), bởi chỉ tiêu này phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó chủ yếu là dinh dưỡng, kỹ thuật phát hiện gia súc động dục và trình độ phối giống.

Bảng 2. Thời gian phối có chứa sau khi đẻ (ngày)

Tham số thống kê \ Khu vực	n	$\bar{X} \pm SE$	Cv (%)	Min	Max
Đội 19/5	148	109,66 \pm 4,98	52,29	33	301
Đội 70	97	107,97 \pm 5,51	47,59	33	262
Đội chăn nuôi 2	93	117,84 \pm 7,20	57,46	34	288
Trung bình		111,43 \pm 6,27			

Thời gian phối giống có chứa sau khi đẻ của đàn bò sữa HF thuần nuôi ở Mộc Châu khá hợp lý nên đã đáp ứng đặc điểm sinh lý, sinh sản và tiết sữa của bò sữa. Tuy nhiên kết quả này còn thấp hơn so với kết quả nghiên cứu của Phạm Ngọc Thiệp (2003) trên đàn bò HF ở Lâm Đồng (88,30 ngày với $Cv = 45,09\%$)

Khoảng cách giữa hai lứa đẻ

Khoảng cách giữa hai lứa đẻ của đàn bò sữa ở 3 đội chăn nuôi đạt 395,85 ngày (13,19 tháng), trong đó đàn bò nuôi ở đội 19/5 có khoảng cách giữa 2 lứa đẻ ngắn nhất 381,89 ngày (12,73 tháng). Tuy nhiên, giữa 3 đội chăn nuôi không có sự sai khác thống kê ($P>0,05$) về chỉ tiêu này.

Khoảng cách giữa 2 lứa đẻ của đàn bò HF thuần nuôi ở Mộc Châu dài hơn đàn bò HF thuần nuôi ở Lâm Đồng (376,44 ngày) khi so sánh với kết quả nghiên cứu của Phạm Ngọc Thiệp (2003) và tương đương với kết quả nghiên cứu của Mai Thị Thơm (2001) trên đàn bò HF nuôi tại Hà Nội (399,8 ngày)

Bảng 3. Khoảng cách giữa hai lứa đẻ (ngày)

Khu vực	Tham số thống kê				
	n	$\bar{X} \pm SE$	Cv (%)	Min	Max
Đội 19/5	37	381,89 ± 7,67	12,21	318	586
Đội 70	22	401,50 ± 10,00	11,71	338	547
Đội chăn nuôi 2	32	408,10 ± 11,70	16,17	316	567
Trung bình		395,85 ± 9,65	13,36	324	566

Hệ số phối, tỷ lệ đẻ và tỷ lệ sảy thai

Kết quả cho thấy, hệ số phối giống ở đàn bò HF đạt tương đối tốt và không có sự sai khác giữa các đội chăn nuôi ($P > 0,05$). Hiện nay chỉ tiêu này của đàn bò sữa ở nước ta còn khá cao và có sự dao động rất lớn (1,5 - >2 lần). Kết quả này đã phản ánh được mức độ nuôi dưỡng cũng như kỹ thuật phát hiện và phối giống cho đàn bò của các đội chăn nuôi đạt khá tốt.

Kết quả bảng 4 cũng cho thấy, tỷ lệ sảy thai, đẻ non vẫn còn chiếm một tỷ lệ tương đối cao. Điều này đòi hỏi việc nuôi dưỡng, chăm sóc bò sắp đẻ cần được chú trọng hơn để hạn chế tỷ lệ bò sảy thai, đẻ non.

Bảng 4. Một số chỉ tiêu sinh sản

Chỉ tiêu	Hệ số phối	Tỷ lệ sảy thai, đẻ non		
		Số lượng bò đẻ	Số bò sảy thai, đẻ non	Tỷ lệ (%)
Khu vực				
Đội 19/5	1,57	124	15	12,09
Đội 70	1,51	89	6	6,74
Đội CN2	1,60	83	13	15,66
Trung bình	1,56			

Nhìn chung kết quả về khả năng sinh sản của đàn bò HF thuần nuôi ở Mộc Châu- Sơn La đạt tương đối tốt.

3.3. Khả năng sản xuất sữa của đàn bò HF

Sản lượng sữa chu kỳ cho sữa 305 ngày

Khảo sát 112 bò đang khai thác sữa cho thấy 50% số bò có sản lượng sữa trong chu kỳ 305 ngày đạt trên 5000 kg và số bò đạt trên 7000kg, chiếm gần 10%. Như vậy, sản lượng sữa/ 305 ngày của đàn bò HF nuôi tại Mộc châu cao hơn bò cùng giống nuôi tại Lâm Đồng và Hà Nội, khi so sánh với kết quả nghiên cứu của Phạm Ngọc Thiệp (2003) và kết quả nghiên cứu của Mai Thị Thơm (2001).

Bảng 5. Sản lượng sữa trên chu kỳ cho sữa 305 ngày

Sản lượng sữa/305 ngày(kg)	n	Tỷ lệ (%)	$\bar{X} \pm SE$	Cv (%)
<3000	3	0,89	2583,0 ± 152,0	10,18
3001 – 4000	23	20,54	3697,2 ± 50,2	16,55
4001 – 5000	32	28,52	4553,6 ± 54,7	15,22
5001 – 6000	27	24,11	5512,5 ± 62,8	14,95
6001 – 7000	19	16,96	6597,9 ± 48,2	13,18
>7000	8	8,98	7640,0 ± 208,0	17,68
	112	100,00	5142,0 ± 122,0	

Số liệu bảng 6 cho thấy năng suất sữa/ ngày tăng dần từ lứa 1 đến lứa 4 và đạt cao nhất ở lứa 4, sang lứa đẻ thứ 5 năng suất sữa bắt đầu giảm dần, song mức độ giảm so với lứa 4 không có ý nghĩa thống kê ($P>0,05$).

Bảng 6. Năng suất sữa trung bình trên ngày qua các lứa đẻ (kg/con/ngày)

Tham số thống kê		n	$\bar{X} \pm SE$	Cv(%)
Lứa đẻ				
1		28	15,13 ± 0,87	27,23
2		32	17,00 ± 0,57	24,68
3		19	17,42 ± 0,93	24,24
4		17	18,29 ± 1,16	26,12
≥5		16	17,49 ± 0,78	17,84
			16,08 ± 0,40	

Kết quả trên phù hợp với quy luật tiết sữa của bò

3.4. Một số bệnh thường gặp ở bò sữa

Các bệnh thường gặp ở đàn bò sữa thuần HF hiện nay vẫn chiếm tỷ lệ khá cao, đặc biệt là các bệnh nội khoa 34,40%, sản khoa 54,78%. Điều đáng chú ý ở đây là bệnh truyền nhiễm đã được khống chế hoàn toàn, bệnh ký sinh trùng đường máu chiếm tỷ lệ rất thấp (1,74%). Đây là tín hiệu đáng mừng vì bò HF thuần rất mẫn cảm với loại bệnh này.

Bảng 7. Các bệnh thường gặp ở bò sữa

Tổng ca bệnh	Tỷ lệ (%)	Ngoại khoa		Nội khoa		Sản khoa		Ký sinh trùng	
		Ca bệnh	Tỷ lệ (%)	Ca bệnh	Tỷ lệ (%)	Ca bệnh	Tỷ lệ (%)	Ca bệnh	Tỷ lệ (%)
5146	100	470	9,08	1769	34,4	2817	54,78	90	1,74

4. KẾT LUẬN

Đàn bò sữa HF thuần của Công ty giống bò sữa Mộc Châu - Sơn La đã tăng lên đáng kể, đặc biệt từ năm 2000 đến năm 2004 tăng 89,40%. Số lượng đàn bò cái sinh sản chiếm tỷ lệ tương đối cao vì vậy có thể đáp ứng được kế hoạch của Công Ty đến năm 2005, nâng tổng số bò sữa HF thuần lên 3500 con.

Khả năng sinh sản của đàn bò HF thuần nuôi ở Mộc Châu tương đối tốt: thời gian có chửa trở lại sau khi đẻ và khoảng cách giữa hai lứa đẻ ngắn, hệ số phối thấp 1,56 lần.

Khả năng sản xuất sữa của đàn bò HF thuần đạt khá so với đàn bò cùng giống nuôi ở các vùng khác trong nước 5142 kg/305 ngày.

Tỷ lệ bò mắc bệnh nội khoa và sản khoa vẫn ở mức cao 34,4 và 54,78%, trong khi đó bệnh ký sinh trùng không đáng kể 1,74%, đặc biệt bệnh truyền nhiễm đã được khống chế hoàn toàn.

Tài liệu tham khảo

Mai Thị Thơm (2001). Bước đầu theo dõi khả năng sinh sản của bò Holstein Friesian nuôi tại Trung Tâm sữa và giống bò Hà Nội. Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật khoa Chăn nuôi – Thú y 1999 - 2001, Trường Đại Học Nông Nghiệp I- Hà Nội, tr 70 – 72.

Phạm Ngọc Thiệp (2003). Một số đặc điểm về sinh trưởng, sinh sản và sản xuất sữa của bò Holstein Friesian nuôi tại Lâm Đồng. Luận văn thạc sĩ khoa học Nông Nghiệp, Hà Nội 2003, tr. 63 – 79.
Minitab Release 11(1996). MINITAB User,s Guide. USA.